

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/DS-ST
Ngày: 17-7-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự
về họ (huê)”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Thời**

2. Ông **Đình Hữu Luynh.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Minh Tiến** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Minh Huy** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về họ (huê)*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Thu L**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Ông **Dương Văn V**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản uỷ quyền ngày 15/4/2024.

2. *Bị đơn:* Bà **Ngô Thị S**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông *Dương Văn Vũ*; bà *Ngô Thị S* có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Văn V trình bày:

Bà Ngô Thị S làm chủ cái dây huê 10.000.000đ, áp cái ngày 15/10/2020 âm lịch (tức là ngày 29/11/2020 dương lịch). Cũng trong dây huê này, bà S có tổ chức thêm dây huê 1.000.000đ, bà Phạm Thị Thu L có tham gia chơi với bà S 08 phần của dây huê 1.000.000đ. Do thời gian đã lâu nên bà L không nhớ dây huê này gồm bao nhiêu phần chơi. Quá trình chơi thì hàng tháng có xổ huê, bà L không nhớ mỗi tháng đóng bao nhiêu tiền cụ thể nhưng các thành viên bỏ huê trên dưới 300.000đ/tháng của dây huê 1.000.000đ. Khi huê xổ được 07 tháng thì bà S tuyên bố bẻ huê. Sau đó, ghi giấy nhận nợ với số tiền 56.000.000đ và xin bớt 8.000.000đ, số tiền còn lại là 48.000.000đ hẹn đến ngày 15/12/2021 âm lịch (tức là ngày 17/01/2022 dương lịch) sẽ trả nhưng không thực hiện đúng cam kết. Theo lời trình bày của bà S xác nhận bà L đã đóng tổng số tiền 34.836.000đ của 08 phần huê trong dây huê 1.000.000đ thì bà L đồng ý. Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2024, bà L yêu cầu bà S phải trả 59.155.000đ tiền huê còn nợ. Nay bà L chỉ yêu cầu bà S trả số tiền huê 34.836.000đ và xin rút lại số tiền 24.319.000đ so với yêu cầu khởi kiện ban đầu. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2024, bị đơn bà Ngô Thị S trình bày:

Bà làm cái dây huê 10.000.000đ, áp cái ngày 15/10/2020 âm lịch. Ngoài ra, trong dây huê này có chơi thêm dây huê 1.000.000đ. Bà Phạm Thị Thu L tham gia chơi 08 phần huê 1.000.000đ. Quá trình chơi thì các lần xổ huê, bà L có đóng như sau:

- Ngày 15/11/2020 âm lịch, xổ huê 380.500đ, đóng 619.500đ x 8 phần = 4.956.000đ.

- Ngày 15/12/2020 âm lịch, xổ huê 380.000đ, đóng 620.000đ x 8 phần = 4.960.000đ.

- Ngày 15/01/2021 âm lịch, xổ huê 285.000đ, đóng 715.000đ x 8 phần = 5.720.000đ.

- Ngày 15/02/2021 âm lịch, xổ huê 315.000đ, đóng 685.000đ x 8 phần = 5.480.000đ.

- Ngày 15/3/2021 âm lịch, xổ huê 285.000đ, đóng 715.000đ x 8 phần = 5.720.000đ.

Bà L đóng số tiền gốc 26.836.000đ và 8.000.000đ tiền áp cái của 08 phần huê nên tổng số tiền đã đóng là 34.836.000đ. Do các nhà con không đóng huê chết nên dây huê này bị bẻ. Sau khi bẻ huê, bà có làm giấy xác nhận nợ số tiền 56.000.000đ của 08 phần huê, bà L có bớt 8.000.000đ nên còn lại 48.000.000đ, bà có ghi giấy xác nhận nợ, hẹn trả vào ngày 15/12/2021 âm lịch nhưng khó khăn chưa thanh toán được. Bà thừa nhận còn nợ 34.836.000đ tiền huê và đồng ý trả cho bà L số tiền này. Ngoài ra, bà không có ý kiến nào khác.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cũng như bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu L về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về họ (huê)*” đối với bị đơn bà Ngô Thị S.

Buộc Ngô Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Thu L số tiền 34.836.000đ.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu L buộc bị đơn bà Ngô Thị S phải trả số tiền 24.319.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả 34.836.000đ tiền huê còn nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về họ (huê)*”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả 34.836.000đ tiền huê còn nợ thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 15/10/2020 âm lịch (tức là ngày 29/11/2020 dương lịch), bị đơn làm cái dây huê 10.000.000đ, cũng trong dây huê này bị đơn tổ chức chơi thêm dây huê 1.000.000đ, nguyên đơn tham gia 08 phần huê 1.000.000đ. Quá trình chơi, bị đơn không tiếp tục duy trì dây huê và có làm giấy xác nhận nợ đối với nguyên đơn số tiền 56.000.000đ, nguyên đơn bớt 8.000.000đ nên còn lại 48.000.000đ, hẹn trả vào ngày

15/12/2021 âm lịch (tức là ngày 17/01/2022 dương lịch). Phía nguyên đơn cho rằng bị đơn đã xỏ huê được 07 tháng, không nhớ số tiền đóng là bao nhiêu nhưng mỗi tháng thành viên bỏ huê trên dưới 300.000đ của dây huê 1.000.000đ nên số tiền huê thực đóng cho bị đơn cao hơn số tiền bị đơn trình bày. Còn bị đơn cho rằng trong dây huê này chỉ xỏ được 05 tháng thì ngưng, nguyên đơn chỉ đóng 34.836.000đ trong đó 26.836.000đ tiền gốc, 8.000.000đ tiền áp cái của 08 phần huê 1.000.000đ, xác nhận còn nợ và có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền này. Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đồng ý và chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền huê đã đóng là 34.836.000đ.

Xét thấy nguyên đơn tham gia chơi huê với bị đơn và đã thực hiện đóng huê theo thỏa thuận. Tuy nhiên, do bị đơn không tiếp tục duy trì dây huê và chưa thanh toán số tiền huê nguyên đơn đã đóng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay bị đơn xác nhận số tiền nợ huê là 34.836.000đ của dây huê 1.000.000đ áp cái ngày 15/10/2020 âm lịch (tức ngày 29/11/2020 dương lịch) đối với nguyên đơn và nguyên đơn đồng ý chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền này. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Trong đơn khởi kiện ngày 15/4/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 59.155.000đ tiền huê còn nợ. Ngày 20/6/2024, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 24.319.000đ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 24.319.000đ.

[4] Từ những phân tích, đánh giá, nhận định nêu trên, căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu L, buộc bị đơn Ngô Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Thu L số tiền 34.836.000đ là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu 1.741.800đ (34.836.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 205, 220, 227, 228, 238, 244, 262, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 280, 357, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, hiệu, biểu, phường.
- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về họ (huê)*” của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu L với bị đơn bà Ngô Thị S.

Buộc Ngô Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Thu L số tiền 34.836.000đ (Ba mươi bốn triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu L buộc bị đơn bà Ngô Thị S phải trả số tiền 24.319.000đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm mười chín nghìn đồng).

3. Về án phí: Buộc bà Ngô Thị S phải chịu 1.741.800đ (Một triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Thu L 1.479.000đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002489 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Luyện Thanh Sơn